BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị kinh doanh

Khoá học : 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Quản trị kinh doanh	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kinh tế - Quản trị kinh doanh	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kinh-te-quan-tri-kinh-doanh	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7340101	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Quản trị văn phòng tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo

Cử nhân Quản trị kinh doanh	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	2	0		2	
2	Phó Giáo sư	4	2		6	
3	Tiến sĩ	12	1		13	
4	Thạc sĩ	22		3	25	
TỔNG CỘNG		**40**	**3**	**3**	46	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng đảm nhận đa dạng các vị trí tại nhiều loại hình doanh nghiệp, từ khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đến các tập đoàn đa quốc gia và cơ quan nhà nước:

Nhóm quản trị vận hành: Chuyên viên quản lý vận hành, chuyên viên kế hoạch, chuyên viên hỗ trợ dự án.

Nhóm Marketing & Kinh doanh: Chuyên viên Marketing, chuyên viên nghiên cứu thị trường, nhân viên kinh doanh (Sales), quản lý chăm sóc khách hàng (CRM).

Nhóm nhân sự & hành chính: Chuyên viên tuyển dụng, chuyên viên đào tạo & phát triển, chuyên viên hành chính văn phòng.

Nhóm tài chính & kế toán: Chuyên viên phân tích tài chính, nhân viên kế toán tổng hợp, nhân viên thu mua (Purchasing).

Nhóm khởi nghiệp: Tự xây dựng và điều hành mô hình kinh doanh cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ.

Con đường thăng tiến trong tương lai, lộ trình thăng tiến của người học thường đi từ cấp độ thực thi lên cấp độ chiến lược, cụ thể như sau:

Cấp cơ sở: chuyên viên, nhân viên

Cấp trung: Trưởng nhóm, Quản lý bộ phận

Cấp cao: Giám đốc bộ phận, Giám đốc chi nhánh

Cấp chiến lược: Giám đốc điều hành, Chủ doanh nghiệp

Khả năng học tập nâng cao trình độ, sau khi hoàn thành xong chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh, người học có khả năng học tập, nâng cao trình độ như sau:

Đào tạo sau đại học: Học tiếp lên các bậc Thạc sĩ (MBA, Thạc sĩ QTKD) hoặc Tiến sĩ về Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Marketing hoặc Tài chính tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước.

Chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế: Theo đuổi các chứng chỉ chuyên nghiệp để gia tăng giá trị cạnh tranh như: PMP (Quản lý dự án), CIM (Marketing), PHR/SHRM (Nhân sự), hoặc các chứng chỉ về chuyển đổi số trong quản trị.

Học tập suốt đời: Tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng số, quản trị thay đổi, và các xu hướng quản trị hiện đại (như ESG - Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp) để thích ứng với sự biến động không ngừng của thị trường.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo	
Triết lý giáo dục*:** Ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Phương Đông được phát triển trên nền tảng triết lý giáo dục chung của Nhà trường là *"Dưỡng Ngọc Thành Hình - Vững Gốc Vươn Xa"*, hướng tới việc nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của mỗi người học, giúp sinh viên phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, nhân cách và khả năng hội nhập. ***Chiến lược dạy – học của ngành Quản trị kinh doanh Lấy người học làm trung tâm; học tập gắn với thực tiễn; đào tạo theo chuẩn đầu ra; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số; gắn kết đào tạo với doanh nghiệp.	
4b. Mục tiêu của CTĐT	
Chương trình đào tạo nhằm đào tạo người học sau khi tốt nghiệp có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng thích ứng và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực đào tạo; đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan. Chương trình được thiết kế theo định hướng (nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp), giúp người học có khả năng học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và đóng góp tích cực cho xã hội. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.	
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Vận dụng hệ thống kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, ngoại ngữ cùng các công cụ thống kê, phương pháp nghiên cứu và giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản để tiếp thu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.
PLO 2	Vận dụng hiệu quả các kiến thức về quản trị điều hành, chiến lược, tác nghiệp, tài chính - thuế, chứng khoán và thanh toán quốc tế để tối ưu hóa quy trình dòng việc, giải quyết hiệu quả các bài toán quản trị thực tế tại tổ chức và doanh nghiệp.
PLO 3	Phân tích chuyên sâu các mô hình quản trị nguồn lực tổng thể, chiến lược khởi sự kinh doanh và các mô hình tăng trưởng đột phá nhằm đánh giá toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ thực hành nghề nghiệp.
Kỹ năng:	
PLO 4	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) và các nền tảng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách hiệu quả, an toàn để bảo mật thông tin và triển khai tối ưu các hoạt động quản trị kinh doanh theo quy định chung.

PLO 5	Triển khai các ý tưởng đổi mới sáng tạo, dự án tự khởi nghiệp và vận dụng linh hoạt các kỹ năng mềm trong giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm nhằm phát huy tối đa trí tuệ tập thể và năng lực lãnh đạo đội ngũ trong môi trường kinh doanh hiện đại.
PLO 6	Thực hiện các phương pháp phân tích, thống kê dữ liệu kinh doanh và đối chiếu hệ thống chính sách, quy định pháp luật hiện hành để đưa ra các quyết định quản trị chính xác, kịp thời cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc CM 4.0
PLO 7	Đánh giá toàn diện thực trạng, cơ hội và thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trước các tác động từ xu hướng hội nhập kinh tế toàn cầu và sự phát triển đột phá của công nghệ thông tin cũng như trí tuệ nhân tạo.
PLO 8	Xây dựng các kế hoạch tối ưu hóa nguồn lực, phương án kinh doanh khả thi và giải pháp thực tế nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp; hướng tới định hình chân dung một doanh nhân, làm chủ tổ chức.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Thiết lập mục tiêu, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân và hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
PLO 10	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp, trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động quản trị kinh doanh. Thể hiện tinh thần đổi mới sáng tạo, cập nhật tri thức, mô hình kinh doanh mới và thích ứng với môi trường thay đổi hướng tới cộng đồng góp phần phát triển đất nước.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).

- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương

  + Nước ngoài: Manhidol University - MUIC (Thái Lan); Middle East Technical University – METU (Thổ Nhĩ Kỳ)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	MAT710008	Toán kinh tế	3	45	45				BB	Không		
2	1	EDS710003	Phương pháp NCKH	2	30	30				BB	Không		
3	1	FOS710001	Anh văn 1	3	60	30	30			BB	Không		
4	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	60		60			BB	Không		
5	2	POL710001	Triết học Mác-Lênin	3	45	45				BB	Không		
6	2	FOS710002	Anh văn 2	3	60	30	30			BB	FOS710001		
7	2	ECO720001	Kinh tế vi mô	3	45	45				BB	Không		
8	2	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB	Không		
9	2	MGT720001	Quản trị học	3	45	45				BB	Không		
10	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	30				BB	POL710001		
11	3	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30			BB	FOS710002		
12	3	ECO720002	Kinh tế vĩ mô	2	30	30				BB	Không		
13	3	LAW720001	Pháp luật kinh tế	2	30	30				BB	Không		
14	3	BUS721001	Marketing căn bản	3	45	45				BB	Không		
15	3	MAT710005	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	30	30				BB	Không		
16	3	SPO760001	***Giáo dục thể chất***	3						BB	Không		
17	4	BUS721003	Quản trị doanh nghiệp	3	45	45				BB	Không		
18	4	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30			BB	FOS710003		
19	4	ACC721002	Nguyên lý kế toán	3	45					BB	Không		
20	4	STA721001	Thống kê kinh doanh	3	45					BB	Không		
21	4	BUS710001	Khởi sự kinh doanh	3	45					BB	Không		
22	5	POL710003	Chủ nghĩa XHKH	2	30					BB	POL710002		
23	5	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30			BB	FOS710004		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
24	5	ITE710002	Khám phá AI	2	60		60			BB	ITE710001		
25	5	MAT720001	Kinh tế lượng	2	30					BB	Không		
26	5	ACC731021	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	45					BB	Không		
27	5	MIL760001	**Giáo dục quốc phòng & an ninh**	11						BB	Không		
28	6	BUS711002	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2	30					BB	Không		
29	6	ACC731008	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45					BB	Không		
30	6	BUS731002	Quản trị nhân lực	3	45					BB	Không		
31	6	BUS731004	Quản lý dự án	3	45					BB	Không		
32	6	BUS731005	Thực hành chuyên ngành	3	75	15			60	BB	BUS721003		
33	7	POL710004	Tư tưởng HCM	2	30					BB	Không		POL710003
34	7	BUS711001	Kinh doanh quốc tế	2	30					BB	Không		
35	7	FBI721006	Quản trị tài chính	3	45					BB	Không		
36	7	FBI731004	Thị trường chứng khoán	3	45					BB	Không		
37	7	BUS721002	Thương mại điện tử	3	45					BB	Không		
38	7	FBI731005	***Thanh toán quốc tế***	2	30					TC	Không		
39	8	POL710005	Lịch sử Đảng CSVN	2	30					BB	Không		POL710004
40	8	ACC731019	Thuế	2	30					BB	Không		
41	8	BUS731001	Quản trị thương hiệu	2	30					BB	Không		
42	8	BUS731003	Quản trị chiến lược	3	45					BB	Không		
43	8	BUS731009	Kỹ năng quản trị (1LT+2TH)	3	75	15	60			BB	Không		
44	8	MGT731004	***Văn bản quản lý***	2	30					TC	Không		
45	8	BUS721010	*Hành vi tổ chức*	2	30					TC	Không		
46	8	JCM731001	*Quan hệ công chúng*	2	30					TC	Không		
47	9	BUS721007	Quản trị bán hàng	3	45					BB	Không		
48	9	BUS731006	Đấu thầu trong kinh doanh	3	45					BB	Không		
49	9	BUS731007	Quản trị tác nghiệp	3	45					BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
50	9	BUS731008	Quản trị chất lượng	3	45					BB	Không		
51	9	BUS721008	***Tiếng Anh chuyên ngành QTKD***	2	45	15	30			TC	FOS710005		
52	9	FBI721003	*Bảo hiểm*	2	30					TC	Không		
53	9	BUS721009	*Quản trị marketing*	2	30					TC	Không		
54	9	BUS721011	*Quản trị rủi ro*	2	30					TC	Không		
55	10	BUS751001	Khóa luận tốt nghiệp	10					150	BB	BUS731005		
56	10	BUS741001	Chuyên đề tốt nghiệp	4					60	BB	BUS731005		
57	10	BUS751002	Văn hóa doanh nghiệp	3	45					BB	Không		
58	10	BUS751003	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45					BB	Không		

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lê nin	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	Kinh tế chính trị - mác Lê nin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về: (i) đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, phong cách Hồ Chí Minh ; (ii) cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; (iii) hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức về: (i) đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; (ii) sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng từ khi thành lập cho đến nay (1930 – 2019); (iii) tổng kết những thành tựu, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
6	Toán kinh tế	3	Toán kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính, giải tích một biến, giải tích nhiều biến và tối ưu có ràng buộc. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng, phương pháp nhân tử Lagrange, bài toán vận tải để giải các bài toán định lượng cơ bản. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
7	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	Xác suất và thống kê ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, Công nghệ thông tin, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bộ công cụ phân tích dữ liệu thực tiễn và tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được bản chất của công thức Bayes, các đại lượng đặc trưng của các phân phối xác suất và logic của suy diễn thống kê. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng phần mềm Excel và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo kinh tế-quản trị kinh doanh, góp phần hình thành tư duy khoa học và năng lực thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị. Nội dung học phần gồm: quy trình nghiên cứu; xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết; tổng quan tài liệu; xây dựng cơ sở lý thuyết, mô hình; lựa chọn thiết kế định tính, định lượng hoặc hỗn hợp; đo lường, chọn mẫu, thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu; viết và trình bày đề cương. Sau học phần, sinh viên phân tích được căn cứ lựa chọn phương pháp; xây dựng được đề cương nghiên cứu khả thi, logic; thể hiện tư duy phản biện, năng lực tự học, phối hợp nhóm và trách nhiệm học thuật. Kỹ năng thực hành được phát triển thông qua tìm kiếm tài liệu, lập ma trận tổng quan, thiết kế bản hỏi hoặc hướng dẫn phỏng vấn, xây dựng kế hoạch mẫu, viết và bảo vệ đề cương nhóm; hỗ trợ thực hiện bài tập lớn, khóa luận và nhiệm vụ nghiên cứu tại doanh nghiệp. Học phần lồng ghép đạo đức nghiên cứu, bảo mật dữ liệu, trích dẫn và liêm chính học thuật; hướng dẫn sử dụng công cụ số, AI có khai báo và kiểm chứng, không tạo dữ liệu hoặc nguồn giả, không thay thế trách nhiệm của người học.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
9	Kinh doanh quốc tế	2	Học phần Kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung học phần tập trung vào khái niệm, đặc điểm, chủ thể và các hình thức kinh doanh quốc tế; đồng thời phân tích môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế. Người học được tìm hiểu tác động của các yếu tố văn hóa, chính trị, pháp luật và kinh tế đến hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận những nội dung cơ bản về quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế. Qua đó, học phần góp phần hình thành khả năng phân tích môi trường, lựa chọn phương thức kinh doanh và vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống kinh doanh quốc tế ở mức độ cơ bản.
10	Pháp luật đại cương	2	Trang bị khối kiến thức đại cương về Nhà nước và Pháp luật cung cấp cho người học hiểu rõ các vấn đề sau: Sự ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, các kiểu, các hình thức của Nhà nước và Pháp luật trong lịch sử, để thấy rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Nhà nước và Pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm thiết lập và duy trì một trật tự xã hội cộng đồng phát triển; trang bị kiến thức đại cương về một số ngành luật quan trọng trong Hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp; Luật hành chính Việt Nam; Luật Hình sự và tố tụng hình sự; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự…. Phân tích các quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật và vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, trên cơ sở đó khẳng định pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để Nhà nước quản lý xã hội, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức.
11	Anh Văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
12	Anh Văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
13	Anh Văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
14	Anh Văn 4	3	Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
15	Anh Văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày,

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
16	Kỹ năng số	2	Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong khai thác, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin trên môi trường số; giao tiếp, hợp tác và làm việc trực tuyến. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) để sáng tạo nội dung, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày tài liệu và hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về an toàn, bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bản quyền, đạo đức và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.
17	Khám phá AI	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh, bao gồm khả năng, giới hạn, tác động và các rủi ro khi sử dụng AI. Người học được thực hành kỹ thuật prompting, kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI; ứng dụng các công cụ AI tạo sinh để hỗ trợ học tập, công việc và phát triển các sản phẩm số như văn bản, hình ảnh, video và ứng dụng đơn giản. Học phần đồng thời hình thành năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, chú trọng liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của người dùng đối với sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra.
18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2	Học phần được cấu trúc thành 6 chương với hai nội dung chính. Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh (Chương 1-3) trang bị kiến thức nền tảng về khái niệm, đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng, kỹ năng và chiến thuật đàm phán áp dụng chung trong hoạt động kinh doanh. Đàm phán trong kinh doanh quốc tế (Chương 4-6) đi sâu vào những đặc thù của đàm phán thương mại quốc tế: các yếu tố ảnh hưởng, phương thức, chiến thuật riêng có trong bối cảnh quốc tế, và đặc biệt là cách thức đàm phán với đối tác đến từ các nền văn hoá, tôn giáo khác nhau trên thế giới. Cấu trúc này giúp sinh viên đi từ nền tảng chung đến khả năng vận dụng linh hoạt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
19	Khởi sự kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi sự kinh doanh, từ nhận diện cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp đến xây dựng mô hình và kế hoạch kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp phát triển ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh, huy động nguồn lực và quản trị rủi ro trong giai đoạn khởi nghiệp. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình và bảo vệ dự án khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tư duy doanh nhân, tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực phát triển các dự án kinh doanh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
20	Kinh tế vi mô	3	Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu các nội dung cơ bản về cung, cầu và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; lý thuyết sản xuất và chi phí; cấu trúc thị trường và các mô hình cạnh tranh, độc quyền; thị trường các yếu tố sản xuất; thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến việc phân tích các tình huống kinh tế và các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của doanh nghiệp và thị trường.
21	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thông qua các biến số cơ bản như sản lượng, thu nhập, đầu tư, tiền tệ, lãi suất, lạm phát, thất nghiệp, thuế và chi tiêu của chính phủ, xuất nhập khẩu và cán cân thương mại,... Mối quan hệ của các biến số này được mô tả thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình tổng cung – tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có đủ kiến thức để nắm được các thức vận hành của nền kinh tế, các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và cách thức chính phủ sử dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
22	Marketing căn bản	3	Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về marketing hiện đại, bao gồm bản chất, vai trò và chức năng của marketing trong doanh nghiệp; môi trường marketing; hành vi khách hàng; nghiên cứu thị trường; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; cùng các chính sách marketing hỗn hợp (4P/7P). Học phần giúp sinh viên vận dụng các nguyên lý và công cụ marketing để phân tích thị trường, xây dựng các giải pháp marketing cơ bản và hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận và ứng dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, xây dựng nội dung marketing và phát triển ý tưởng sáng tạo, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, bảo mật thông tin.
23	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán được cấu trúc theo hai cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành nền tảng kiến thức và kỹ năng nhập môn của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị bản chất, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của hạch toán kế toán trong quản lý kinh tế - tài chính; các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung; đối tượng của hạch toán kế toán và biểu hiện cụ thể tại doanh nghiệp; hệ thống các phương pháp kế toán bao gồm phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán; tổ chức sổ kế toán và kỹ thuật ghi sổ. Ở cấp độ vận dụng, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập và kiểm tra chứng từ kế toán, định khoản và ghi chép các quan hệ đối ứng tài khoản, tính giá một số đối tượng kế toán cơ bản, lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo kế toán cơ bản (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh); đồng thời làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm và công cụ AI để hỗ trợ tra cứu, xử lý thông tin kế toán, xây dựng và thuyết trình bài thảo luận

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			nhóm. Đây là nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập các học phần kế toán chuyên ngành ở các giai đoạn tiếp theo.
24	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về tư duy mô hình kinh tế lượng và xử lý dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được mối quan hệ giữa các biến trong mô hình Kinh tế lượng, ý nghĩa của các hệ số của các mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội, chẩn đoán và sửa lỗi mô hình, quy tắc đọc số liệu dựa trên kết qủa chạy phần mềm và kỹ thuật đưa biến định tính vào thực tế. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường thực hành, sử dụng phần mềm, AI và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
25	Thống kê kinh doanh	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế về mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh doanh sản xuất – dịch vụ và KTXH hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức về thống kê kết quả sản xuất sản phẩm xã hội và thống kê doanh nghiệp.
26	Pháp luật kinh tế	2	Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hệ thống pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, bao gồm pháp luật về doanh nghiệp, hợp đồng thương mại, phá sản, giải thể doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Học phần giúp người học hiểu và vận dụng các quy định pháp luật trong quá trình thành lập, tổ chức, quản lý và điều hành doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực phân tích và xử lý các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần cập nhật các xu hướng phát triển của pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số và thương mại điện tử, đồng thời giới thiệu việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu, tra cứu pháp luật, phân tích hợp đồng, đánh giá rủi ro pháp lý và hỗ trợ giải quyết tranh chấp. Thông qua học phần, sinh viên được phát triển tư duy pháp lý, tư duy đổi mới sáng tạo, kỹ năng ứng dụng công nghệ số và AI trong lĩnh vực pháp lý – kinh doanh, góp phần đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong môi trường kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.
27	Quản trị học	3	Quản trị học là môn học thuộc lĩnh vực quản trị dành cho sinh viên các ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, được phổ biến rộng rãi trong chương trình giảng dạy trong các trường đại học kinh tế và kinh doanh ở các nước trên thế giới và trong nước. Học phần bao gồm các khái niệm, định nghĩa, bản chất và đặc trưng cơ bản của hoạt động quản trị, các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị, môi trường quản

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			trị, các lý thuyết (trường phái) quản trị khác nhau cả cổ điển và hiện đại. Phần lớn thời gian và trọng tâm của chương trình dành để đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu các chức năng của quản trị như: hoạch định; tổ chức; lãnh đạo điều hành và kiểm tra, kiểm soát. Ngoài ra chương trình cũng cung cấp một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.
28	Thuế	2	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về thuế và công tác quản lý thuế. Tìm hiểu các qui trình thủ tục liên quan đến công tác đăng ký, kê khai, tính, nộp và hoàn các loại thuế bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa các quyết định chi phí Thuế chiến lược. Mục tiêu là giúp sinh viên hình thành tư duy quản trị hiện đại, biết cách khai thác và xử lý thông tin kinh tế của doanh nghiệp để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
29	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần Quản trị doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ tịnh tiến nhằm phát triển toàn diện năng lực người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được chuẩn hóa nền tảng lý thuyết về tổng quan doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quy trình vận hành và các chức năng quản trị cốt lõi: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần đi sâu vào năng lực điều hành thực chiến thông qua việc vận dụng kỹ năng của doanh nhân, tối ưu hóa chuỗi giá trị, quản trị tài chính, nhân sự, công nghệ và xử lý khủng hoảng trong môi trường kinh doanh biến động. Ở cấp độ mở rộng, môn học tạo không gian cho sinh viên bứt phá năng lực riêng biệt bằng cách tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo, quản trị tri thức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là bệ phóng giúp người học định hình phong cách lãnh đạo độc lập và làm chủ các quyết định quản lý phức tạp.
30	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Kế toán doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị nền tảng về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vai trò của kế toán trong quản lý, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần tập trung phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp thông qua việc vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các phần hành chủ yếu như kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, hoạt động tài chính, nguồn vốn, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện khả năng kiểm tra, phân tích và đánh giá thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			Ở cấp độ mở rộng, học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận xu hướng phát triển của nghề kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý nghiệp vụ, kiểm soát thông tin và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Qua đó, sinh viên phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, năng lực tự học, khả năng cải tiến hệ thống kế toán và thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp. Đây là nền tảng giúp người học tự tin đảm nhận các vị trí kế toán chuyên môn, kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị hoặc tiếp tục phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
31	Quản trị tài chính	3	Học phần Quản trị tài chính được thiết kế theo ba cấp độ phát triển năng lực người học. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các kiến thức nền tảng về tài chính doanh nghiệp, mục tiêu quản trị tài chính, giá trị thời gian của tiền và các nguồn vốn của doanh nghiệp. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng các công cụ và phương pháp quản trị tài chính để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, đánh giá chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn, đòn bẩy tài chính và hiệu quả các dự án đầu tư. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển khả năng phân tích, tư duy phản biện và ra quyết định tài chính thông qua việc giải quyết các tình huống thực tiễn, thảo luận nhóm và ứng dụng công nghệ trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Học phần góp phần hình thành năng lực vận dụng kiến thức tài chính vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị trong doanh nghiệp
32	Thương mại điện tử	3	Học phần **Thương mại điện tử** giới thiệu các nội dung cơ bản về thương mại điện tử, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò và xu hướng phát triển; hạ tầng công nghệ, an toàn và an ninh trong thương mại điện tử; các phương thức thanh toán và hợp đồng điện tử; các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; quy trình xây dựng, quản trị và vận hành website thương mại điện tử; các hoạt động marketing điện tử và một số vấn đề pháp lý liên quan đến thương mại điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số.
33	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, bao gồm các phương pháp, kỹ thuật và quy trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và trình bày thông tin; vận dụng các công cụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm hỗ trợ để phân tích dữ liệu, đánh giá tình hình hoạt động, xác định nguyên nhân biến động và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị.
34	Quản trị thương hiệu	2	Học phần Quản trị thương hiệu giới thiệu các nội dung cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu; quy trình xây dựng và phát triển thương hiệu; chiến lược thương hiệu; thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; truyền thông thương hiệu và marketing thương hiệu; bảo hộ, bảo vệ và xử lý các vấn đề liên

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			quan đến thương hiệu; định giá thương hiệu; đo lường hiệu quả hoạt động thương hiệu và phát triển thương hiệu trong doanh nghiệp. Học phần cũng lồng ghép các bài tập tình huống, dự án và ứng dụng các công cụ số, phần mềm và AI trong hoạt động quản trị thương hiệu.
35	Quản trị nhân lực	3	Môn học Quản trị nhân lực tập trung trang bị cho người học hệ thống lý thuyết và kỹ năng thực hành toàn diện về quy trình quản lý con người trong tổ chức. Nội dung cốt lõi của môn học xoay quanh các nghiệp vụ trọng yếu bao gồm hoạch định nhu cầu, tuyển dụng, đào tạo, phát triển và đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên. Bên cạnh đó, người học cũng được tiếp cận các kiến thức về xây dựng hệ thống lương thưởng, chế độ phúc lợi và duy trì quan hệ lao động hài hòa. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa các quyết định nhân sự chiến lược. Mục tiêu là giúp sinh viên hình thành tư duy quản trị hiện đại, biết cách khai thác tối đa tiềm năng của đội ngũ lao động để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
36	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về quản trị chiến lược; phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài và nội bộ doanh nghiệp; xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược; hoạch định, lựa chọn và triển khai các phương án chiến lược ở các cấp độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó, học phần giúp người học vận dụng các mô hình và công cụ phân tích chiến lược để giải quyết các vấn đề thực tiễn, nâng cao năng lực tư duy chiến lược và ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp
37	Quản lý dự án	3	Học phần Quản lý dự án giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự án, dựa án đầu tư, các đặc trưng của dự án, các giai đoạn của vòng đời dự án, các mô hình quản lý dự án và các nội dung quản lý dự án. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên phương pháp xây dựng bản kế hoạch dựa án đầu tư thông qua các kỹ thuật: Phân tích các nhân tố thuộc môi trường vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự; cách thức xây dựng phương án tài chính của dự án và tính toán các chỉ tiêu tài chính căn bản của dự án như NPV, IRR, PP, B/C… và các chỉ tiêu kinh tế xã hội khác để có thể đánh giá và lựa chọn được những dự án có hiệu qủa nhất, đồng thời loại bỏ những dự án kém khả thi. Ngoài ra, thông qua các kỹ thuật PERT/CPM, biểu đồ GANTT, biểu đồ tải trọng nguồn lực, cung cấp cho sinh viên các công cụ cơ bản để quản lý thời gian và tiến độ, quản lý nguồn lực của dự án. Trên cơ sở lý thuyết, sinh viên có thể áp dụng thực hiện bài tập nhóm về xây dựng một dự án cụ thể và thực hiện các bài tập tác nghiệp có liên quan đến nội dung quản lý dự án.
38	Thực hành	3	Học phần Thực hành chuyên ngành cung cấp cho sinh viên cơ hội tham gia vào môi trường kinh doanh thực tế để trải nghiệm và phân tích quy trình vận

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
	chuyên ngành		hành tại doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào việc hướng dẫn sinh viên thu thập dữ liệu, phân tích thực trạng các hoạt động chức năng như quản trị nhân sự, marketing, tài chính hoặc sản xuất dưới sự hướng dẫn của giảng viên và nhà quản lý nhằm tìm hiểu, thuyết trình, thảo luận về doanh nghiệp, hoàn thành báo cáo thực hành chuyên ngành. Sinh viên tiến hành nhận diện các vấn đề tồn tại, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để xây dựng các báo cáo phân tích chuyên sâu. Kết thúc học phần, sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực hành, đề xuất các giải pháp cải tiến quản trị có tính khả thi, đánh dấu sự trưởng thành về cả năng lực chuyên môn lẫn tác phong làm việc chuyên nghiệp.
39	Đấu thầu trong kinh doanh	3	Học phần Đấu thầu trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức toàn diện về hoạt động đấu thầu trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm: các khái niệm, đặc điểm và vai trò của đấu thầu; khung pháp lý và các quy định hiện hành; quy trình chuẩn bị đấu thầu (lập kế hoạch, sơ tuyển nhà thầu, lập hồ sơ mời thầu); quy trình tổ chức đấu thầu (mời thầu, phát hành và tiếp nhận hồ sơ, mở thầu); quy trình đánh giá và phê duyệt hồ sơ dự thầu; giai đoạn kết thúc đấu thầu (thông báo kết quả, thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng); các hình thức đấu thầu đặc thù (chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu qua mạng); cùng công tác quản lý và xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu. Học phần tập trung phát triển kỹ năng thực hành thông qua các bài tập tình huống, mô phỏng quy trình đấu thầu và nghiên cứu tình huống thực tiễn. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong soạn thảo hồ sơ đấu thầu, phân tích rủi ro, đánh giá nhà thầu và tra cứu pháp luật đấu thầu, trên cơ sở tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật hiện hành.
40	Quản trị tác nghiệp	3	Quản trị tác nghiệp là một trong những chức năng cơ bản của doanh nghiệp. Với vị trí và chức năng cốt lõi trong một tổ chức nên quản trị tác nghiệp là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để giải quyết các vấn đề: dự báo nhu cầu, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, lập kế hoạch sản xuất, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng dự trữ, công tác kiểm tra đánh giá hoạt động sản xuất cũng như việc ứng dụng trong thực tiễn hoạt động tác nghiệp ở các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.
41	Quản trị chất lượng	3	Học phần Quản trị chất lượng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về quản trị chất lượng trong tổ chức và doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm, nguyên tắc và triết lý quản trị chất lượng; chi phí chất lượng; các công cụ và kỹ thuật quản lý chất lượng; quản lý chất lượng toàn diện (TQM); hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; kiểm soát và cải tiến chất lượng; đánh giá chất lượng và đo lường sự thỏa mãn của khách hàng. Học phần đồng thời trang bị cho người học kỹ năng vận dụng các công cụ quản trị chất lượng để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập.
42	Kỹ năng quản trị	3	Kỹ năng quản trị là môn học mang tính thực hành, là cầu nối giữa các môn học có tính lý thuyết và môn học kỹ năng sâu về từng mảng hoạt động quản trị kinh doanh cụ thể. Môn học kỹ năng quản trị được thiết kế theo phương pháp tương tác. Người học được phát triển các kỹ năng quản trị hiệu quả như kiến thức về nhà quản trị, nghề quản trị, kiến thức quản lý bản thân, quản lý thời gian, kiến thức tư duy sáng tạo, quản trị stress, xây dựng thương hiệu cá nhân, quản trị xung đột, tạo động lực làm việc và thông qua các hoạt động học tập hiện đại như: thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành phỏng vấn, thực hành đóng vai điều hành cuộc họp như các nhà quản lý tại doanh nghiệp, thực hành bán hàng, thực hành nghiên cứu thị trường, sử dụng các phần mềm quản trị nhân lực (HRM), phần mềm quản trị doanh nghiệp (ERP), phần mềm bán hàng (CRM)…, ứng dụng các mạng xã hội vào quản trị điều hành thực tế trong doanh nghiệp hiện nay.
43	Quản trị bán hàng	3	Học phần Quản trị bán hàng cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp với ba chức năng chính: lập kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm soát các hoạt động bán hàng. Học phần cũng phân tích sáu bước của quá trình quản trị bán hàng, bao gồm: xác định các hoạt động chức năng của bán hàng, thiết kế, tổ chức lực lượng bán hàng, phát triển lực lượng bán hàng, điều khiển lực lượng bán hàng, quyết định tính hiệu quả và việc thực hiện của lực lượng bán hàng. Thông qua nội dung học phần, sinh viên có thể phân biệt quản trị bán hàng là quản lý lực lượng bán hàng và tiêu thụ sản phẩm do lực lượng này thực hiện, khác biệt với quản lý trung gian phân phối. Sinh viên được tiếp thu, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực trong quán trị bán hàng theo phương pháp giảng dạy tich cực của giảng viên thuyết giảng. Đây là bệ phóng giúp người học định hình phong cách lãnh đạo độc lập và làm chủ các quyết định quản lý phức tạp.
44	Thị trường chứng khoán	3	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng và nâng cao về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Ở cấp độ cơ bản, người học nắm được bản chất, chức năng, cơ cấu thị trường, các loại hàng hóa (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh) và vai trò của các chủ thể tham gia như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư. Ở cấp độ nâng cao, học phần tập trung vào cơ chế phát hành, quy tắc và các loại lệnh giao dịch, phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, đo lường mức sinh lời – rủi ro và định giá cổ phiếu, trái phiếu. Ở cấp độ mở rộng, người học vận dụng kiến thức vào phân tích tình huống thị trường thực tế, đối chiếu quy định của Luật Chứng khoán và chuẩn mực công bố thông tin để rèn luyện tư duy đầu tư có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
45	Thanh toán quốc tế	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thanh toán quốc tế trong hoạt động thương mại quốc tế. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về thanh toán quốc tế, ngoại hối và tỷ giá hối đoái; hợp đồng ngoại thương; điều kiện thương mại quốc tế theo Incoterms® 2020; bộ chứng từ trong thương mại quốc tế; các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế phổ biến. Học phần giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại, bộ chứng từ và phương thức thanh toán trong quá trình thực hiện giao dịch xuất nhập khẩu; đồng thời có khả năng lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp và nhận diện các rủi ro cơ bản trong thanh toán quốc tế...
46	Bảo hiểm	2	Học phần Bảo hiểm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về bản chất, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, hợp đồng bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm phổ biến như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm vật chất xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tiền gửi và bảo hiểm con người. Bên cạnh việc nghiên cứu các quy định pháp luật, phương pháp xác định phí bảo hiểm, giám định và bồi thường tổn thất, học phần còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích rủi ro, xử lý tình huống và lựa chọn giải pháp bảo hiểm phù hợp trong hoạt động quản trị, tài chính và kinh doanh. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy quản trị rủi ro, nâng cao năng lực vận dụng kiến thức bảo hiểm vào thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của thị trường bảo hiểm trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số..
47	Văn bản quản lý	2	Học phần này trang bị cho sinh viên các khái niệm, chức năng, vai trò và quá trình hình thành, phát triển của văn bản quản lý. Sinh viên hiểu được hệ thống văn bản quản lý và phân biệt văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính cá biệt, văn bản hành chính thông thường. Sinh viên vận dụng được các yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày trong soạn thảo văn bản. Sinh viên có khả năng thực hành soạn thảo, kiểm tra và hoàn thiện một số loại văn bản hành chính thông dụng. Sinh viên hiểu và vận dụng được số hóa văn bản, quản lý văn bản điện tử, kỹ năng số và AI trong tìm kiếm, soạn thảo, rà soát và quản lý văn bản. Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện; hình thành thái độ trách nhiệm, tuân thủ pháp luật, bảo mật và đạo đức nghề nghiệp.
48	Hành vi tổ chức	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi của cá nhân, nhóm trong tổ chức và ứng dụng của hành vi tổ chức trong thực tiễn quản trị nguồn nhân lực. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức để phân tích toàn diện các vấn đề về con người trong tổ chức và các yếu tố khác gây ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức, đưa ra được những kiến nghị hành động và các chính sách nhân sự dựa trên những bằng chứng xác thực.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
49	Quan hệ công chúng	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khái niệm, vai trò, chức năng và quá trình hình thành, phát triển của quan hệ công chúng (PR). Học phần phân tích các loại hình PR trong doanh nghiệp, cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Sinh viên được trang bị kiến thức và phương pháp nhận diện, phân tích, xử lý các tình huống khủng hoảng truyền thông trong thực tiễn. Học phần đồng thời rèn luyện các kỹ năng viết cho PR, thuyết trình, đàm phán, thương lượng và trả lời phỏng vấn báo chí. Sinh viên được hướng dẫn xây dựng quan hệ với giới truyền thông, tổ chức họp báo và chuẩn bị các tài liệu phục vụ hoạt động truyền thông. Sinh viên biết vận dụng các quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội trong thực hành quan hệ công chúng.
50	Tiếng anh chuyên ngành	2	Học phần **Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh** cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức, từ vựng, thuật ngữ và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản sử dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào các chủ đề như: cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, mô tả công việc, giao tiếp trong doanh nghiệp, giới thiệu doanh nghiệp và sản phẩm, marketing, bán hàng, dịch vụ khách hàng, tuyển dụng, môi trường làm việc và trách nhiệm nghề nghiệp. Học phần phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp nghề nghiệp; giúp sinh viên đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết thư điện tử thương mại, giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp và thuyết trình các chủ đề liên quan đến quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần định hướng sinh viên **ứng dụng công nghệ số và các công cụ trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI)** trong học tập như tra cứu thuật ngữ chuyên ngành, tìm kiếm và tổng hợp thông tin, hỗ trợ luyện tập kỹ năng ngoại ngữ, xây dựng bài thuyết trình và hoàn thiện các sản phẩm học tập bằng tiếng Anh. Sinh viên được hướng dẫn sử dụng AI một cách có trách nhiệm, biết kiểm chứng thông tin, tuân thủ đạo đức học thuật và nâng cao năng lực tự học trong môi trường học tập số.
51	Quản trị marketing	2	Học phần Quản trị marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về bản chất của marketing và quản trị marketing trong doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu rõ vai trò của marketing trong hoạt động kinh doanh, các quan điểm định hướng quản trị và quá trình xây dựng chiến lược marketing phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kiến thức về hệ thống thông tin marketing và phương pháp nghiên cứu thị trường nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị. Thông qua học phần, sinh viên có khả năng phân tích môi trường marketing, đánh giá nguồn lực và nhận diện các cơ hội, thách thức của doanh nghiệp trên thị trường. Học phần cũng tập trung vào việc nghiên cứu và vận dụng các công cụ marketing hỗn hợp (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến) trong quá trình xây dựng kế hoạch marketing. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết các tình huống quản trị marketing thực tiễn. Ngoài ra, học phần còn

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			giúp người học hình thành tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, tác phong chuyên nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh hiện đại.
52	Quản trị rủi ro	2	Học phần Quản trị rủi ro cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về rủi ro và quản trị rủi ro; quy trình nhận diện, phân tích, đánh giá và kiểm soát rủi ro; các phương pháp đo lường và xử lý rủi ro; quản trị rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như tài chính, nhân sự, sản xuất, chuỗi cung ứng, marketing và công nghệ thông tin; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế; ứng dụng công nghệ số trong quản trị rủi ro; phân tích các tình huống thực tiễn và xây dựng kế hoạch ứng phó với rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững của doanh nghiệp.
53	Khoá luận tốt nghiệp	10	Học phần khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên thực hiện một công trình nghiên cứu độc lập dưới sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên. Nội dung học phần bao gồm việc xác định đề tài, tổng quan tài liệu nghiên cứu liên quan, xây dựng khung lý thuyết và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp. Sinh viên tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thực tế nhằm đánh giá trạng thái vấn đề, phát hiện những hạn chế và chỉ ra nguyên nhân. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp, khuyến nghị có tính khoa học và thực tiễn để giải quyết triệt để vấn đề đã đặt ra. Cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo chuẩn mực và thực hiện bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng chuyên môn.
54	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Học phần Chuyên đề tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp và thực hành các kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã tích lũy trong toàn bộ chương trình đào tạo. Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp hoặc tổ chức, sinh viên tiến hành khảo sát thực trạng, thu thập và xử lý dữ liệu thực tế để nhận diện các bài toán quản lý hoặc vận hành cụ thể. Trên cơ sở đó, người học vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để phân tích thực trạng, tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp cải tiến có tính khả thi. Kết quả nghiên cứu được hệ thống hóa và trình bày dưới dạng một báo cáo chuyên đề tốt nghiệp hoàn chỉnh theo đúng quy chuẩn khoa học. Thông qua học phần này, sinh viên hoàn thiện năng lực tư duy độc lập, giải quyết vấn đề và sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc thực tế.
55	Văn hoá doanh nghiệp	3	Học phần Văn hóa doanh nghiệp được cấu trúc thành 5 chương, cung cấp cho sinh viên một bức tranh toàn diện về văn hóa tổ chức: từ nền tảng lý luận đến ứng dụng thực tiễn. Chương 1 giới thiệu tổng quan về văn hóa và văn hóa doanh nghiệp, bao gồm khái niệm, các cấp độ biểu hiện, vai trò và các nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp. Chương 2 hệ thống hóa các loại hình văn hóa doanh nghiệp theo nhiều cách phân loại khác nhau - theo phân cấp quyền lực, theo cơ cấu và định hướng con người/nhiệm vụ, theo vai trò lãnh đạo và theo lý thuyết khung giá trị cạnh tranh - kết hợp phân tích các điển hình thực tế trong và ngoài nước. Chương 3

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
			tập trung vào quy trình xây dựng và thay đổi văn hóa doanh nghiệp, bao gồm các điều kiện, bước thực hiện, cách thức tiến hành và quản lý sự thay đổi. Chương 4 làm rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo và văn hóa tổ chức: lãnh đạo sử dụng văn hóa như công cụ quản trị chiến lược, đồng thời đóng vai trò kiến tạo, duy trì và đổi mới văn hóa doanh nghiệp. Chương 5 giới thiệu các mô hình và phương pháp đo lường, đánh giá văn hóa doanh nghiệp (OCAI, DOCS, mô hình Schein, KPI văn hóa...) thông qua các tình huống và điển hình ứng dụng thực tế. Xuyên suốt các chương, sinh viên được tích hợp ứng dụng công cụ AI (ChatGPT, Gemini, Copilot...) để hỗ trợ thu thập thông tin, phân tích tình huống, soạn thảo kế hoạch văn hóa và trình bày kết quả học tập - đảm bảo cân bằng giữa khai thác công nghệ và tư duy độc lập, đạo đức học thuật.
56	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, thuật ngữ, nguyên lý và phương pháp tiếp cận hiện đại trong lĩnh vực này. Nội dung học phần tập trung vào việc nghiên cứu các hoạt động cốt lõi của chuỗi cung ứng như hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất, phân phối, cũng như vai trò của logistics trong việc tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và dòng tiền xuyên suốt chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các công cụ và phương pháp đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng thông qua hệ thống các chỉ số hiệu suất then chốt, đồng thời hướng dẫn xây dựng và vận hành các mô hình chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế. Thông qua quá trình học tập, người học không chỉ nắm vững cơ sở lý luận và tư duy hệ thống về quản trị chuỗi cung ứng mà còn phát triển năng lực phân tích, hoạch định và ra quyết định trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học phần giúp người học nhận thức rõ quản trị chuỗi cung ứng như một lĩnh vực chuyên môn mang tính chiến lược, có vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị doanh nghiệp và tạo lập lợi thế bền vững trên thị trường toàn cầu. Đồng thời, người học được trang bị khả năng vận dụng các công nghệ số và công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản trị chuỗi cung ứng nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, tối ưu hóa nguồn lực và hỗ trợ quá trình ra quyết định. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên tự tin đảm nhận các vị trí quản lý trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng hoặc phát triển các dự án khởi nghiệp trong tương lai.

TT	Tên học phần	TC	Nội dung
57	Giáo dục thể chất	3	Góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật biết tập luyện các môn thể thao để có thể chất khoẻ mạnh, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, phục vụ tốt cho mục tiêu lao động và sản xuất trong thực tế.
58	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Trang bị những vấn đề về tư duy, lý luận trong đường lối quân sự của Đảng, những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về đường lối quân sự Việt Nam, về diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam. Thực hành rèn luyện một số kỹ năng cần thiết, rèn luyện tác phong nếp sống có kỷ luật, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Say khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";
- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Tháng 8 năm 2026

DUYỆT **HIỆU TRƯỞNG**	**PHÓ TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS.TS. Lê Trọng Hùng**